

QUY ĐỊNH

**về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử,
tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số 377-QĐ/TW ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;
- Căn cứ các Nghị quyết, quy định, Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư liên quan đến công tác cán bộ;
- Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy khóa I nhiệm kỳ 2025 – 2030;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Thành ủy tại Tờ trình số 365-TTr/BTCTU ngày 13 tháng 02 năm 2026;

Ban Thường vụ Thành ủy quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền trong quản lý cán bộ và nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

2. Quy định này áp dụng đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị Thành phố.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng, bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2. Bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tổng thể, liên thông trong công tác cán bộ của Đảng; đánh giá cán bộ thường xuyên, khách quan, công tâm, chính xác; quy hoạch, lựa chọn và bố trí đúng cán bộ; thực hiện có hiệu quả cơ chế “có vào, có ra, có lên, có xuống” trong công tác cán bộ; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn đặt ra.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới, gắn bó mật thiết với Nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ:

a) Đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thông qua các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị; trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các ngành, các cấp.

c) Phân công, phân cấp công tác quản lý cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cho các cấp ủy, tổ chức đảng; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp.

2. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, đồng thời, phát huy đầy đủ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và cá nhân liên quan, trước hết là người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ:

a) Những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ phải do cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến của người đứng đầu và ý kiến của tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị khác nhau thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện quyết định của tập thể về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi được phân công phụ trách.

c) Cán bộ, đảng viên phải chấp hành, thực hiện nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng; cấp ủy cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp ủy cấp trên về công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Công tác cán bộ là các đường lối, chủ trương, chính sách, quy định về phân cấp quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách; kiểm tra, kiểm soát, giám sát,... đối với cán bộ nhằm lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ.

2. Phân cấp quản lý cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền phân cấp hoặc ủy quyền cho các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tham gia hoặc trực tiếp quản lý một số khâu trong công tác cán bộ đối với chức danh cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và quyết định các khâu trong công tác cán bộ đối với chức danh cán bộ thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định.

3. Bổ nhiệm cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ vào chức vụ cao hơn, tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang đảm nhiệm (khi cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hoặc do sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy).

4. Quy hoạch cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn chức vụ đang đảm nhiệm.

5. Cho thôi giữ chức vụ là quyết định của cấp có thẩm quyền cho cán bộ chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm để bố trí công tác khác hoặc nghỉ công tác, nghỉ hưu (không bao gồm các trường hợp được bổ nhiệm, điều động, luân chuyển hoặc được bố trí công tác khác theo yêu cầu công tác cán bộ).

6. Từ chức là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ đang đảm nhiệm khi chưa hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

7. Miễn nhiệm là quyết định của cấp có thẩm quyền chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm đối với cán bộ nhưng chưa đến mức cách chức.

8. Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

9. Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, gây dư luận xấu, rất bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

10. Tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền dừng việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của cán bộ trong một thời hạn nhất định. Tạm đình chỉ công tác không phải là hình thức kỷ luật.

11. Đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền đưa cán bộ ra khỏi quy hoạch chức danh đã được phê duyệt quy hoạch.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 5. Nội dung

1. Phân cấp quản lý cán bộ.
2. Đánh giá cán bộ.
3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.
4. Tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ.
5. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.
6. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.
7. Kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc thực hiện nội dung phân cấp, ủy quyền trong công tác cán bộ.
8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý và quyết định đối với cán bộ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố thực hiện định hướng và quyết định những chủ trương, vấn đề quan trọng về công tác cán bộ và cán bộ theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy.
2. Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, trực tiếp quyết định một số nội dung trong công tác cán bộ; phân công, phân cấp, ủy quyền cho các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy quyết định một số nội dung đối với các chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý và các chức danh cán bộ khác; ủy quyền cho Thường trực Thành ủy quyết định một số khâu, nội dung trong công tác cán bộ.
3. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ công tác, sinh hoạt đảng ở địa phương, cơ quan, đơn vị, trong đó có cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về phạm vi được

phân cấp, ủy quyền trong quản lý cán bộ. Cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu có trách nhiệm định kỳ báo cáo cấp trên về tình hình đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên theo quy định hiện hành về phân cấp quản lý.

4. Trường hợp một người đồng thời đảm nhiệm nhiều chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp khác nhau thì cấp quản lý chức vụ cao nhất xem xét, quyết định.

5. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm theo quy định; xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ được phân cấp quản lý hoặc trong phạm vi được phân công phụ trách.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương về công tác cán bộ và cán bộ tại Thành phố.

2. Thảo luận, biểu quyết về định hướng xây dựng Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ mới và phương án nhân sự để báo cáo Bộ Chính trị và trình Đại hội.

3. Trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định đối với nhân sự Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; nhân sự chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, giới thiệu bầu Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy.

4. Trên cơ sở quy định của Trung ương, quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; điều chỉnh cơ cấu Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Thành ủy ngoài cơ cấu Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Thành ủy được xác định theo quy định của Bộ Chính trị.

5. Bầu Ban Thường vụ Thành ủy, Bí thư Thành ủy, Phó Bí thư Thành ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (ủy viên ủy ban kiểm tra), Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.

6. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; giới thiệu nhân sự để Hội đồng nhân dân Thành phố bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

7. Tham gia ý kiến đối với nhân sự giới thiệu để Hội đồng nhân dân Thành phố bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trước khi Ban Thường vụ Thành ủy quyết định giới thiệu để Hội đồng nhân dân Thành phố bầu.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường vụ Thành ủy

1. Chịu trách nhiệm trực tiếp trong công tác quản lý đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý công tác ở địa phương, cơ quan, đơn vị trong việc: Nhận xét, đánh giá, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, tiêu chuẩn, điều kiện; thực hiện quy trình nhân sự và việc đề xuất cấp có thẩm quyền quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm và các nội dung quản lý đối với cán bộ theo quy định.

2. Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư công tác tại Đảng bộ Thành phố.

3. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy.

4. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ nêu tại mục 1, Phụ lục 1 Quy định này.

5. Chuẩn bị nhân sự để Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố xem xét, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư Thành ủy, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, giới thiệu Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.

6. Quyết định phân cấp, ủy quyền quản lý cán bộ cho các cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành ủy.

7. Chỉ định cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy khi có sự thay đổi về tổ chức (thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập); quyết định chủ trương tăng thêm số lượng cấp ủy viên đảng ủy trực thuộc Thành ủy theo quy định của Điều lệ Đảng; xem xét, quyết định phê duyệt phương án nhân sự đại hội các đảng bộ trực thuộc Thành ủy nhiệm kỳ mới; xem xét cho ý kiến về cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố; quyết định cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý ứng cử Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân Thành phố và Hội đồng nhân dân các cấp. Khi cần thiết, chỉ định đảng viên tham gia cấp ủy và giữ các chức vụ ủy viên thường vụ, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

8. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

9. Tham gia ý kiến với đảng ủy, các cơ quan, đơn vị ở Trung ương (nếu có) về đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, cụ thể:

a) Các đảng ủy, cơ quan, đơn vị ở Trung ương đối với nhân sự cấp trưởng, cấp phó thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại Thành phố.

b) Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Quân khu 7 về nhân sự Tư lệnh, Phó Tư lệnh, Chính ủy, Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh Thành phố.

c) Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương về nhân sự Giám đốc, Phó Giám đốc Công an Thành phố.

10. Ủy quyền cho Thường trực Thành ủy xem xét, quyết định một số nội dung về công tác tổ chức, cán bộ nêu tại Điều 9 Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của Thường trực Thành ủy

1. Chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc thực hiện các quyết định về công tác cán bộ đã được Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy thông qua.

2. Quyết định thẩm tra, xác minh những cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khi có vấn đề cần xem xét về chính trị và một số vấn đề quan trọng khác về cán bộ (bằng cấp, học hàm, học vị, độ tuổi, tài sản, thu nhập...) để báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, kết luận theo quy định của Bộ Chính trị.

3. Được Ban Thường vụ Thành ủy ủy quyền:

a) Xem xét kết quả bầu cử và quyết định chuẩn y ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy trực thuộc Thành ủy; chỉ định bổ sung cấp ủy viên (trừ những trường hợp đề nghị tăng thêm), giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực thuộc, chỉ định hoặc thí điểm chỉ định ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc theo đề nghị của cấp ủy trực thuộc theo đúng quy định của Đảng; xem xét, quyết định việc giao phụ trách, điều hành của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy, đơn vị sự nghiệp công lập, các cấp ủy trực thuộc Thành ủy khi khuyết người đứng đầu.

b) Quyết định tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ được ủy quyền (nêu tại mục 2, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này)

c) Quyết định việc thực hiện chế độ và chính sách tiền lương; việc đi công tác, học tập, đi việc riêng ở nước ngoài theo quy định; xem xét, quyết định việc nghỉ hưu đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

d) Cho chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý; xem xét các nội dung liên quan công tác cán bộ trước khi trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

e) Tham gia ý kiến với đảng ủy, các cơ quan, đơn vị ở Trung ương (nếu có) về quy hoạch cán bộ cấp trưởng, cấp phó thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại Đảng bộ Thành phố; về bố trí, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật cán bộ,... đối với cán bộ là cấp phó các đơn vị trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố; cho ý kiến về việc xét phong, thăng quân hàm cấp tướng đối với cán bộ thuộc Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố; cho ý kiến về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại thẩm phán cao cấp Tòa án nhân dân Thành phố, Kiểm sát viên cao cấp Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố.

g) Xem xét, giới thiệu cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ các chức danh chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội cấp Trung ương khi có yêu cầu.

h) Cho ý kiến về việc cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý làm người đứng đầu hội và các tổ chức không được đề cập tại Phụ lục 1 Quy định này; làm thành viên, lãnh đạo, quản lý các tổ chức có yếu tố nước ngoài.

i) Quyết định cử nhân sự đại diện phần vốn của Đảng bộ Thành phố tại các doanh nghiệp mà Đảng bộ Thành phố có vốn góp.

k) Thông báo các quyết định phân công công tác cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý để Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan liên quan thực hiện.

l) Chỉ đạo cán bộ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của Đảng và Nhà nước. Chỉ đạo công tác chăm sóc sức khỏe và chính sách cán bộ, tổ chức tang lễ đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý theo đúng quy định.

3. Định kỳ Thường trực Thành ủy báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy những vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ được ủy quyền.

Những công việc được ủy quyền nêu trên, nếu có vấn đề phức tạp hoặc khi xét thấy cần thiết thì Thường trực Thành ủy xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy trước khi quyết định.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của các cấp ủy trực thuộc Thành ủy và tập thể lãnh đạo các sở, ban, ngành Thành phố

1. Đảng ủy phường, xã, đặc khu (gọi chung là cấp xã)

a) Ban chấp hành đảng bộ

- Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Thành ủy về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy định, quyết định, quy chế của Trung ương, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về cán bộ và công tác cán bộ tại địa phương.

- Thảo luận, biểu quyết về định hướng xây dựng ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ mới và phương án nhân sự để báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy và trình Đại hội.

- Trình Ban Thường vụ Thành ủy nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; nhân sự chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã.

- Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương và Thành ủy, thảo luận, quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy; điều chỉnh cơ cấu ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng ủy ngoài cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy được xác định theo quy định của Trung ương, Thành ủy.

- Bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra (ủy viên ủy ban kiểm tra), chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp xã.

- Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc đề nghị chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ cấp xã.

- Giới thiệu nhân sự ứng cử chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; tham gia ý kiến về nhân sự phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã trước khi ban thường vụ đảng ủy quyết định giới thiệu đề hội đồng nhân dân cấp xã bầu.

b) Ban thường vụ đảng ủy

- Quyết định phân công công tác các đồng chí ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã.

- Lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và thống nhất quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ cấp xã theo phân cấp quản lý, bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền.

- Đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

- Chuẩn bị nhân sự để ban chấp hành đảng bộ cấp xã xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy: giới thiệu ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư đảng ủy; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã.

- Chuẩn y hoặc ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy cấp xã chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy ban kiểm tra (ủy viên ủy ban kiểm tra) cấp ủy trực thuộc; chỉ định hoặc ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy cấp xã chỉ định bổ sung cấp ủy trực thuộc. Khi cần thiết, quyết định điều động đảng viên từ đảng bộ, chi bộ trực thuộc khác chỉ định tham gia cấp ủy, ban thường vụ đảng ủy và giữ các chức vụ bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc.

- Tham gia ý kiến với Đảng ủy Công an Thành phố về nhân sự trưởng công an, phó trưởng công an cấp xã, với Đảng ủy Quân sự Thành phố về nhân sự chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng, chính trị viên phó ban chỉ huy quân sự cấp xã. Trao đổi, thống nhất với Đảng ủy Công an Thành phố, Đảng ủy Quân sự Thành phố khi quyết định bố trí cán bộ lãnh đạo công an, quân sự cấp xã tham gia cấp ủy địa phương.

- Tham gia ý kiến với đảng ủy, cơ quan, đơn vị ở Thành phố đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý (cấp trưởng, phó) của đơn vị theo ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại địa phương theo quy định.

- Quyết định phân cấp quản lý cán bộ và kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy trực thuộc; giải quyết khiếu nại, tố cáo về cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của đảng ủy.

2. Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố

a) Ban chấp hành đảng bộ

- Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Thành ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Đảng về công tác cán bộ và cán bộ.

- Thảo luận, biểu quyết về định hướng xây dựng ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ mới và phương án nhân sự để báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy và trình Đại hội.

- Trình Ban Thường vụ Thành ủy nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư đảng ủy; nhân sự chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy.

- Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương và Thành ủy, thảo luận, quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy; điều chỉnh cơ cấu ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng ủy ngoài cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy được xác định theo quy định của Trung ương, Thành ủy.

- Bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra (ủy viên ủy ban kiểm tra), chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy.

- Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc đề nghị chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ.

b) Ban thường vụ đảng ủy

- Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp và cán bộ chuyên trách, công chức các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy theo quy định.

- Căn cứ quy định của Ban Thường vụ Thành ủy, quyết định phân cấp một số nội dung quản lý cán bộ cho các cấp ủy trực thuộc.

- Tham gia ý kiến đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác, sinh hoạt đảng tại Đảng bộ khi có yêu cầu và các chức danh cán bộ khác theo quy định.

- Chuẩn y hoặc ủy quyền cho thường trực đảng ủy chuẩn y; chỉ định hoặc ủy quyền cho thường trực đảng ủy chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ; ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc theo quy định; khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách cấp ủy trực thuộc.

- Quyết định phân công nhiệm vụ đối với ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Ban Chấp hành Đảng bộ

- Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Thành ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Đảng về công tác cán bộ và cán bộ.

- Thảo luận, biểu quyết về định hướng xây dựng ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ mới và phương án nhân sự đề báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy và trình Đại hội.

- Trình Ban Thường vụ Thành ủy nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư đảng ủy; nhân sự chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy.

- Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương và Thành ủy, thảo luận, quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy; điều chỉnh cơ cấu ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng ủy ngoài cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy được xác định theo quy định của Trung ương, Thành ủy.

- Bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra (ủy viên ủy ban kiểm tra), chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy.

- Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc đề nghị chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ.

b) Ban Thường vụ Đảng ủy

- Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp và cán bộ chuyên trách, công chức các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy theo quy định.

- Đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ; phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ các cơ quan, đơn vị khối chính quyền thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

- Được Ban Thường vụ Thành ủy ủy quyền trong phạm vi, lĩnh vực phụ trách xem xét quyết định việc tổ chức quản lý, sử dụng, nâng bậc lương đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác ở khối chính quyền, đơn vị sự nghiệp; cử đi công tác, học tập, nghiên cứu kinh nghiệm, đi nước ngoài đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác ở khối chính quyền (riêng chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố do Thường trực Thành ủy quyết định); xem xét, quyết định việc giao phụ trách, điều hành các cơ quan, đơn vị trực thuộc khi khuyết người đứng đầu.

- Căn cứ quy định của Ban Thường vụ Thành ủy, quyết định phân cấp một số nội dung quản lý cán bộ cho các cấp ủy trực thuộc.

- Tham gia ý kiến đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác, sinh hoạt đảng tại Đảng bộ khi có yêu cầu và các chức danh cán bộ khác theo quy định.

- Chuẩn y hoặc ủy quyền cho thường trực đảng ủy chuẩn y; chỉ định hoặc ủy quyền cho thường trực đảng ủy chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ; ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc theo quy định; khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách cấp ủy trực thuộc.

- Bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác tại các đơn vị thuộc khối chính quyền giữ các chức danh, chức vụ có cơ cấu kiêm nhiệm, của các cấp ủy trực thuộc, hội, ban chỉ đạo, tổ chức khác có cơ cấu chức danh kiêm nhiệm theo quy định.

- Quyết định phân công nhiệm vụ đối với ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

4. Đảng ủy trực thuộc Thành ủy

a) Ban chấp hành đảng bộ

- Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Thành ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Đảng về công tác cán bộ và cán bộ.

- Thảo luận, biểu quyết về định hướng xây dựng ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ mới và phương án nhân sự để báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy và trình Đại hội.

- Trình Ban Thường vụ Thành ủy nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư đảng ủy; nhân sự chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy.

- Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương và Thành ủy, thảo luận, quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy; điều chỉnh cơ cấu ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng ủy ngoài cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy được xác định theo quy định của Trung ương, Thành ủy.

- Bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra (ủy viên ủy ban kiểm tra), chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy.

- Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc đề nghị chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ.

b) Ban thường vụ đảng ủy

- Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt

phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp và cán bộ chuyên trách, công chức các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy theo quy định.

- Căn cứ quy định của Ban Thường vụ Thành ủy, quyết định phân cấp một số nội dung quản lý cán bộ cho các cấp ủy trực thuộc.

- Tham gia ý kiến đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác, sinh hoạt đảng tại Đảng bộ khi có yêu cầu và các chức danh cán bộ khác theo quy định.

- Chuẩn y hoặc ủy quyền cho thường trực đảng ủy chuẩn y; chỉ định hoặc ủy quyền cho thường trực đảng ủy chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ; ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc theo quy định; khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách cấp ủy trực thuộc.

- Quyết định phân công nhiệm vụ đối với ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

5. Đảng ủy Quân sự Thành phố, Đảng ủy Công an Thành phố

a) Chịu trách nhiệm trước Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Trung ương, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

b) Thực hiện các quy định về công tác cán bộ của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Quân khu 7.

c) Quyết định phân công công tác các đồng chí ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng ủy.

d) Trình Ban Thường vụ Thành ủy về nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư đảng ủy, nhân sự bổ sung vào ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng ủy.

đ) Căn cứ quy định của cấp trên, quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ đảng ủy, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy; điều chỉnh cơ cấu ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng ủy ngoài cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy được xác định theo quy định của Trung ương, Thành ủy; bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư đảng ủy; bầu ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy.

e) Giới thiệu nhân sự ứng cử vào ban chấp hành đảng bộ.

g) Chuẩn y kết quả bầu cử ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư các đảng ủy, chi ủy trực thuộc, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy ban kiểm tra (ủy viên ủy ban kiểm tra) đảng ủy trực thuộc; chỉ định bổ sung cấp ủy đảng bộ, chi bộ trực thuộc. Khi cần thiết, quyết định điều động đảng viên từ đảng bộ, chi bộ khác chỉ định tham gia cấp ủy, chi ủy và giữ các chức vụ bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc.

h) Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy trực thuộc; giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền quản lý.

i) Chủ trì, phối hợp, trao đổi ý kiến với ban thường vụ đảng ủy cấp xã về nhân sự trưởng, phó công an cấp xã; nhân sự chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng, ban chỉ huy quân sự cấp xã.

k) Trước khi thực hiện điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ từ nơi khác giữ chức trưởng, phó công an, chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự cấp xã thì Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Thành phố, Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự Thành phố thực hiện quy trình đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy xem xét chỉ định bổ sung đồng chí đó tham gia ban chấp hành, ban thường vụ đảng ủy cấp xã (đối với chức danh có yêu cầu cơ cấu tham gia ban chấp hành, ban thường vụ đảng ủy).

6. Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố:

a) Lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các quyết định của cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

b) Đề xuất hoặc tham gia ý kiến với Ban Thường vụ Thành ủy về đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác, sinh hoạt đảng tại đảng bộ và trong phạm vi phụ trách, gồm: Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố, Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, trưởng ban, phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Thư ký đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố; nhân sự chủ tịch hội đồng nhân dân xã, phường.

c) Đề xuất với Ban Thường vụ Thành ủy về đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định,

điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đang công tác tại cơ quan, đơn vị mình.

d) Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ trong quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

7. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội; tập thể thường trực các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Thành phố

a) Lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các quyết định của cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

b) Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp. Trên cơ sở đó, thủ trưởng cơ quan ra quyết định về mặt nhà nước. Chịu trách nhiệm trước Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về công tác cán bộ của đơn vị mình.

c) Phối hợp với Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Thành phố để đề xuất hoặc tham gia ý kiến với Ban Thường vụ Thành ủy đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Thành phố.

8. Tập thể lãnh đạo các sở, ban, ngành và tương đương trực thuộc Thành phố

a) Lãnh đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra thực hiện các quyết định của cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

b) Quyết định tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ được phân cấp quản lý, bao gồm: cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc mà không thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của văn bản pháp luật chuyên ngành.

c) Đề xuất với Ban Thường vụ Thành ủy về đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đang công tác tại cơ quan, đơn vị mình.

d) Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ trong quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Tổ chức Thành ủy

1. Là cơ quan tham mưu của Thành ủy, trực tiếp và thường xuyên là Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy cụ thể hóa chủ trương, chính sách cán bộ và công tác cán bộ; nghiên cứu đề xuất, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về công tác cán bộ và cán bộ.

2. Tổng hợp, theo dõi tình hình đội ngũ cán bộ của Thành phố, trực tiếp là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý; chủ trì, phối hợp với các cấp ủy đảng, tổ chức đảng và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy tham mưu giúp Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quản lý của Ban Thường vụ Thành ủy.

3. Trình Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy các vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ.

4. Chủ trì, phối hợp các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy, các cơ quan có liên quan thẩm định, thẩm tra, rà soát, xác minh thông tin liên quan đến nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy và các chức danh khác theo phân cấp; tổng hợp, đề xuất những vấn đề về cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy.

5. Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan theo dõi, kiểm tra, tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử một số chức danh cán bộ được quy định tại mục 3, Phụ lục 1 Quy định này; trường hợp có ý kiến khác nhau báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét quyết định.

6. Hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng và quản lý hồ sơ cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ, lý lịch cán bộ lãnh đạo, quản lý (cả đương chức và nghỉ hưu) thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Thành ủy; hướng dẫn quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội; cơ sở dữ liệu đảng viên trong Đảng bộ thành phố.

7. Được Ban Thường vụ Thành ủy giao:

a) Thông báo kết quả đánh giá cán bộ hàng quý, hàng năm đối với các chức danh cán bộ theo phân công của Ban Thường vụ Thành ủy.

b) Tham mưu chế độ, chính sách đối với cán bộ; giải quyết một số chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ theo ủy quyền của Ban Thường vụ Thành ủy.

c) Xây dựng và hướng dẫn thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Thành ủy.

d) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan để thực hiện hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh, thăm hỏi, tổ chức lễ tang cấp thành phố theo quy định; trường hợp đặc biệt báo cáo Thường trực Thành ủy xem xét, quyết định.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy và Văn phòng Thành ủy

1. Kiến nghị, đề xuất Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quản lý của Ban Thường vụ Thành ủy công tác tại cơ quan, đơn vị.

Kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị cấp dưới trực thuộc và đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét những vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ (nếu có). Phối hợp Ban Tổ chức Thành ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị khi có yêu cầu.

2. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy:

a) Ban Thường vụ Thành ủy ủy quyền đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy ký và đóng dấu Thành ủy đối với quyết định chuẩn y chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc Thành ủy.

b) Phối hợp Ban Tổ chức Thành ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát và tham gia thẩm định nhân sự đối với các chức danh cán bộ nêu tại Phụ lục 1 Quy định này hoặc theo chỉ đạo của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy.

c) Trình Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về kỷ luật cán bộ; xem xét, quyết định kỷ luật cán bộ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Đảng, Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy tham gia ý kiến về công tác cán bộ đối với các chức danh diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đang công tác trong lĩnh vực tuyên giáo và dân vận; các chức danh trong Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Ủy viên Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; cấp trưởng, cấp phó các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Thành phố; cấp trưởng, cấp phó các cơ quan báo chí, xuất bản thuộc hệ thống chính trị Thành phố theo các Quy định của Trung ương về trách nhiệm, quyền hạn và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo cơ quan báo chí, xuất bản.

4. Ban Nội chính Thành ủy tham gia ý kiến về công tác cán bộ đối với các chức danh cán bộ nêu tại Phụ lục 1 Quy định này hoặc theo chỉ đạo của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy.

5. Văn phòng Thành ủy tham gia ý kiến về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán đối với đơn vị chỉ bố trí 01 cán bộ kế toán) các đơn vị dự toán ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành ủy trước khi các đơn vị bổ nhiệm.

Điều 13. Phân cấp quản lý đối với cán bộ đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu

1. Nội dung quản lý:

Cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khi đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu (trừ trường hợp đã thôi giữ chức vụ hoặc được điều động, bố trí công tác khác không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) phải được Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, cho ý kiến về những vấn đề:

a) Tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; thành viên lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; người đứng đầu hội và các tổ chức (bao gồm trưởng ban vận động thành lập hội, tổ chức); làm thành viên, lãnh đạo, quản lý các tổ chức có yếu tố nước ngoài; làm chủ tịch hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), giám đốc (tổng giám đốc) doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

b) Khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ.

c) Tiếp khách quốc tế, trả lời phỏng vấn nước ngoài, nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài và các tổ chức quốc tế tặng.

2. Phân cấp quản lý:

a) Ban Thường vụ Thành ủy báo cáo, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến đối với các đồng chí nguyên là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố.

b) Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, cho ý kiến đối với các đồng chí nguyên là Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy.

c) Thường trực Thành ủy xem xét cho ý kiến đối với các chức danh khi còn đang công tác do Ban Thường vụ Thành ủy quản lý nêu tại mục 1, Phụ lục 1 Quy định này (trừ các chức danh do Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, cho ý kiến ở trên).

d) Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành ủy căn cứ quy định này để cụ thể hóa nội dung, phân cấp quản lý đối với cán bộ thuộc diện quản lý sau khi nghỉ hưu cho phù hợp.

Chương III **QUY HOẠCH CÁN BỘ**

Điều 14. Nguyên tắc quy hoạch

1. Coi trọng chất lượng, bảo đảm cân đối, hài hoà, hợp lý, liên thông các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và bố trí, sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở Thành phố với địa phương, địa bàn và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đấu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác.

2. Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị Thành phố với quy hoạch Thành ủy.

3. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn; không quy hoạch chức danh đang đảm nhiệm, chức danh tương đương, chức danh thấp hơn hoặc chức danh kiêm nhiệm theo cơ cấu. Mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ, một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp.

4. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử. Cán bộ sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch, thì đủ điều kiện đưa vào danh sách để thực hiện quy trình giới thiệu, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định.

Điều 15. Mục đích, yêu cầu quy hoạch

1. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp; đúng theo quy định của Trung ương.

3. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

4. Thực hiện phương châm quy hoạch "động" và "mở". Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

5. Việc quy hoạch đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm:

- Có thể xem xét quy hoạch chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

- + Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật (do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp ủy có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra).

- + Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

- + Bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo đã hết thời hạn kỷ luật.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (khách quan, chủ quan) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (nếu có),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình quy hoạch theo quy định.

- Tạm thời chưa xem xét quy hoạch đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

- Không quy hoạch đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo), khiếu nại kỷ luật, bị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc đang bị xem xét, xử lý kỷ luật; cán bộ đang trong thời hạn thi hành kỷ luật; cán bộ bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có vi phạm về: quan điểm chính trị, nguyên tắc tổ chức hoạt động của Đảng, chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân, quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Điều 16. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch:

Các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị Thành phố, bao gồm:

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Bí thư Thành ủy; Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý và chức danh phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan chuyên trách, tham mưu giúp việc Thành ủy.

- Các chức danh thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

2. Đối tượng quy hoạch:

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý gồm 2 đối tượng, cụ thể:

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý và các chức danh ủy viên ban chấp hành đảng bộ, ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã trực thuộc Thành ủy thực hiện theo Phụ lục 2 Quy định này.

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố căn cứ Phụ lục 2 Quy định này để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch: Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch: Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 17. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh tại mục 1, Phụ lục 1 Quy định này (không bao gồm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố).

2. Thường trực Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh tại mục 2, Phụ lục 1 Quy định này.

3. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị:

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

- Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Thành ủy:

- Tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

- Trình Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, xem xét, có ý kiến chức danh phải lấy ý kiến của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy và các cơ quan liên quan theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác *(khi cần thiết hoặc theo yêu cầu)* để các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy và cơ quan, đơn vị liên quan:

- Thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ Thành ủy.

4. Trách nhiệm của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy: Chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác quy hoạch cán bộ của các đảng bộ, địa phương, cơ quan, đơn vị được phân công phụ trách.

Điều 19. Phương pháp quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

2. Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch từ 1 đến 2 lần cho cả quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp; lần 1 thực hiện trong quý I và báo cáo cấp trên trực tiếp về kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ cấp mình quản lý trong quý II, chậm nhất tháng 6.

Trường hợp rà soát, bổ sung quy hoạch lần thứ 2 trong năm phải báo cáo, xin chủ trương của cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch trước khi thực hiện; sớm nhất sau 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình, hồ sơ nhân sự, cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không được quá 15 ngày làm việc.

Điều 20. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi quy hoạch

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện:

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm

quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định.

- Về trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

- Về trình độ lý luận chính trị: Cán bộ quy hoạch các chức danh thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý: (i) Đối tượng 1 phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng với chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; (ii) Đối tượng 2 có thể chưa đáp ứng ngay tiêu chuẩn lý luận chính trị, nhưng sau khi được phê duyệt quy hoạch, thì phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

2. Về độ tuổi quy hoạch: Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

Tuổi quy hoạch được xác định cụ thể như sau:

- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch phải còn ít nhất 60 tháng đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn (tối đa 60 tuổi) theo quy định của Đảng và các Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022, Nghị định số 99/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ (không thuộc đối tượng kéo dài tuổi nghỉ hưu theo lộ trình quy định tại Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ), thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi nghỉ hưu 60 tuổi và thực hiện như phương pháp nêu trên.

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch:

- Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức.

- Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền (Ban Tổ chức Thành ủy đối với trường hợp các chức danh

thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý; ban xây dựng đảng, ban tổ chức cấp ủy các cấp đối với trường hợp khác) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Điều 21. Hệ số, số lượng và cơ cấu quy hoạch

1. Về hệ số, số lượng:

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

- Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý: Mỗi chức danh quy hoạch không quá ba cán bộ và một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp.

2. Về cơ cấu: Phân đầu cơ cấu, tỉ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng: Cán bộ trẻ (*dưới 42 tuổi*) từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên; cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ khoảng 5 - 10%, tỉ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực; cấp xã và tương đương trở lên; phải có cán bộ nữ trong quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý.

Điều 22. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch:

Quy trình quy hoạch gồm 2 quy trình: (1) Quy hoạch cán bộ đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ. (2) Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ đối với nguồn nhân sự từ nơi khác.

- Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý: thực hiện theo Phụ lục 3.

- Đối với các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ: các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố căn cứ Phụ lục 3 để quy định cụ thể cho phù hợp.

2. Hồ sơ nhân sự quy hoạch: Thực hiện theo Phụ lục 6.

Điều 23. Công khai và quản lý quy hoạch

1. Công khai quy hoạch:

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý quy hoạch:

Căn cứ kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Sau 30 ngày làm việc kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch; báo cáo Ban Tổ chức Thành ủy (*kèm theo các quyết định phê duyệt quy hoạch*) đối với các chức danh ủy viên ban chấp hành đảng bộ, ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã, đảng ủy trực thuộc Thành ủy, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

Điều 24. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

- Cán bộ đã được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch; quá tuổi bổ nhiệm; bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc được cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm chức vụ; đã từ trần hoặc nghỉ công tác thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch (cơ quan tham mưu tổ chức cán bộ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định đưa ra khỏi quy hoạch mà không phải lấy phiếu biểu quyết).

- Đối với cán bộ bị thi hành kỷ luật, sau khi cấp có thẩm quyền ban hành quyết định kỷ luật, thì các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải kịp thời quyết định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền đưa ngay ra khỏi quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý.

- Đối với các trường hợp còn lại, thì thực hiện kết hợp vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm gần nhất theo quy định.

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp trong quy hoạch

Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc diện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền: (i) Số lượng quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn theo quy định, nhưng không vượt quá số lượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm hợp nhất, sáp nhập; chậm nhất sau 5 năm (tính từ thời điểm quyết định hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực) số lượng quy hoạch sẽ thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền. (ii) Các chức danh lãnh đạo, quản lý được phê duyệt quy hoạch trước khi hợp nhất, sáp nhập, nếu còn hiệu lực và thời hạn quy hoạch theo quy định thì vẫn được xem xét để bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh quy hoạch hoặc chức danh tương đương theo quy định (trừ các chức danh quy hoạch cấp xã trước sáp nhập, hợp nhất).

Chương IV**BỒ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ****Điều 26. Nguyên tắc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử**

1. Cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên và người đứng đầu.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, phẩm chất, đạo đức, năng lực, sở trường và uy tín của cán bộ; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

Điều 27. Về bổ nhiệm, bố trí, sử dụng đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm

1. Có thể xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

- Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật (do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp ủy có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra).

- Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

- Cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức: Khiển trách (sau 24 tháng); cảnh cáo không thuộc trường hợp bị miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ (sau 36 tháng); cách chức (sau 60 tháng), tính từ thời điểm quyết định kỷ luật của cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực; nếu nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền đánh giá đã hoàn thành việc kiểm điểm, khắc phục các vi phạm, khuyết điểm (nếu có) theo yêu cầu tại kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng; đồng thời, được các cấp ủy trực tiếp quản lý cán bộ đánh giá là có phẩm chất, năng lực và có khả năng đáp ứng

yêu cầu, nhiệm vụ được giao thì cấp có thẩm quyền có thể xem xét, bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Không xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng được xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với trường hợp cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo nay đã hết thời hạn kỷ luật nhưng chưa đủ thời gian theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

3. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng có thể xem xét, cân nhắc kỷ lưỡng từng trường hợp để bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với: Cán bộ hiện đang trong thời gian thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách (trừ các trường hợp vi phạm về quan điểm chính trị; vi phạm nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng; chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; vi phạm quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội).

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỷ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (khách quan, chủ quan) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (nếu có),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử theo quy định.

4. Tạm thời chưa xem xét, bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

5. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, phong, thăng quân hàm đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo), khiếu nại kỷ luật, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, bị xem xét, xử lý kỷ luật, bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận thanh tra, kiểm toán, bị điều tra.

Điều 28. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và đánh giá, nhận xét nhân sự được đề xuất.

2. Tập thể lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thảo luận, đánh giá, nhận xét cán bộ, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm nguyên tắc, quy định, quy trình, quy chế, quyết định về công tác cán bộ và thực hiện nghiêm quyền hạn, trách nhiệm trong công tác cán bộ.

3. Người đứng đầu, tập thể đề xuất; cơ quan thẩm định; tập thể quyết định cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề nghị, thẩm định, quyết định của mình. Cụ thể:

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị rà soát, thẩm định kỹ lưỡng và kết luận rõ tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự theo Quy định của Bộ Chính trị một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng; chỉ đạo các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy và các cơ quan chức năng rà soát chặt chẽ, kỹ lưỡng để xác định rõ trách nhiệm (nếu có) của nhân sự trong các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra hoặc vụ án, vụ việc mà các cơ quan chức năng đã xem xét, kết luận và kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có).

- Người đứng đầu, tập thể đề xuất: Chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền về đánh giá, nhận xét, kết luận tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác, ưu, khuyết điểm; kê khai tài sản, thu nhập,... và ý kiến đề xuất của mình.

- Cơ quan thẩm định: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, thẩm tra, rà soát thông tin, tham gia ý kiến đối với nhân sự được đề xuất theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

- Tập thể quyết định cán bộ: Chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 29. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

2. Cán bộ được giới thiệu từ nguồn nhân sự tại chỗ phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự từ nguồn ở bên ngoài phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Cán bộ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm (*liền kề*) hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 1 năm (12 tháng). Trường hợp đặc biệt nếu nhân sự có thời gian giữ chức vụ hoặc chức vụ tương đương dưới 1 năm, thì cấp ủy trực tiếp quản lý cán bộ phải tiến hành: (i) Đánh giá khách quan, toàn diện về phẩm chất, năng lực, uy tín, sản phẩm, kết quả cụ thể của nhân sự trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; đồng thời, gắn kết chặt chẽ với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan,

đơn vị, địa phương và việc bố trí, sử dụng cán bộ; (ii) Quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét, quyết định; các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo trực tiếp quản lý cán bộ thực hiện các bước theo mục 1, Phụ lục 4.

- Trường hợp nhân sự hiện giữ chức danh (*chức vụ*) có cơ cấu tham gia cấp ủy các cấp theo quy định, thì không phải thực hiện quy định về thời gian giữ chức danh đang đảm nhiệm hoặc tương đương ít nhất là 1 năm (*12 tháng*) để giới thiệu, chỉ định tham gia cấp ủy theo cơ cấu.

- Đối với việc bổ nhiệm sĩ quan trong lực lượng vũ trang thì thực hiện theo quy định của Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương.

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh; được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 3 năm gần nhất.

5. Độ tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức vụ cao hơn: Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý (cao hơn) lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn 1 nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt không bảo đảm độ tuổi theo quy định, thì phải còn ít nhất là 04 năm (*48 tháng*) đối với nhiệm kỳ 05 năm (*60 tháng*) và do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định; các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo trực tiếp quản lý cán bộ thực hiện các bước theo mục 1, Phụ lục 4.

6. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 30. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ là 5 năm (*60 tháng*) đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị Thành phố và doanh nghiệp nhà nước.

2. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 5 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng.

3. Thời hạn giữ chức vụ bầu cử theo nhiệm kỳ của tổ chức đó.

Điều 31. Thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý

Căn cứ vào số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành ủy (sau đây gọi chung là tập thể lãnh đạo) thực hiện các công việc:

1. Có văn bản trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho chủ trương về số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung, trong đó dự kiến phân công lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể.

2. Sau khi có chủ trương, chậm nhất trong thời gian 30 ngày làm việc, tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị phải hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự theo quy định. Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì tập thể lãnh đạo có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét (thông qua Ban Tổ chức Thành ủy).

3. Đề xuất nhân sự cụ thể.

4. Thẩm định nhân sự:

a) Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị làm tờ trình, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm gửi Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy (thông qua Ban Tổ chức Thành ủy) để thẩm định nhân sự.

b) Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo quy định, Ban Tổ chức Thành ủy gửi văn bản (*kèm theo bản sao hồ sơ nhân sự*) xin ý kiến thẩm định của các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định đối với nhân sự như sau:

- Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy, Công an Thành phố, Thanh tra Thành phố: Đối với tất cả các nhân sự được đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử.

- Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố: Đối với nhân sự bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu ứng cử các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý trong phạm vi phụ trách sau: Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố, Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố (sau khi xin ý kiến đồng chí Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố); Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, trưởng ban, phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Thư ký đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố; chủ tịch hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu.

- Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố: Đối với nhân sự được đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu ứng cử các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý tại các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

- Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố: Đối với việc giới thiệu ứng cử các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý: Phó Chủ tịch chuyên trách Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, cấp trưởng, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; cấp trưởng, cấp phó các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Thành phố.

* Đối với nhân sự cụ thể do Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố đề xuất, sau khi thực hiện quy trình nhân sự và thẩm định nếu đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định thì Ban Tổ chức Thành ủy không phải xin ý kiến lại.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định nhân sự phải có văn bản trả lời Ban Tổ chức Thành ủy; trường hợp đặc biệt theo yêu cầu của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy thì thời gian trả lời ngắn hơn. Trường hợp vì lý do khách quan, cần thêm thời gian để xem xét, xác minh, thẩm tra thì phải có văn bản gửi Ban Tổ chức Thành ủy để biết, theo dõi nhưng không quá 15 ngày làm việc.

d) Không quá 10 ngày làm việc, Ban Tổ chức Thành ủy có trách nhiệm tổng hợp ý kiến thẩm định hoặc xác minh, thẩm tra (nếu có) và ban hành tờ trình đề xuất Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

đ) Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định theo chương trình công tác. Nếu không tổ chức họp, trường hợp cần thiết có thể gửi phiếu biểu quyết xin ý kiến các đồng chí Thường trực Thành ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy theo phân cấp quản lý cán bộ và Quy chế làm việc của Thành ủy.

e) Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy kết luận, Ban Tổ chức Thành ủy dự thảo quyết định bổ nhiệm hoặc thông báo kết luận của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy đến các cơ quan liên quan để thực hiện việc bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử theo quy định.

Điều 32. Quy trình bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đối với nguồn nhân sự tại chỗ: Thực hiện theo mục 2 Phụ lục 4 Quy định này.

2. Quy trình điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác thực hiện theo mục 3 Phụ lục 4 Quy định này.

3. Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức: Nếu bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đảm nhiệm trước khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì tập thể lãnh đạo có thẩm quyền căn cứ phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ để thảo luận xem xét, quyết định bổ nhiệm mà không phải thực hiện quy trình nhân sự theo quy định; trường hợp bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn thì phải thực hiện quy trình nhân sự như bổ nhiệm từ nguồn nhân sự ở nơi khác theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 33. Điều chỉnh cơ cấu cấp ủy, bổ sung các chức danh lãnh đạo cấp ủy và các chức danh diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý

1. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy (*không bao gồm cơ cấu cứng*) khác với đề án nhân sự cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy đã được đại hội thông qua để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, tình hình đội ngũ cán bộ, thì phải tổ chức hội nghị ban thường vụ, ban chấp hành để thảo luận, phân tích kỹ lưỡng, dân chủ, công khai, minh bạch, tạo sự đoàn kết, thống nhất cao và tiến hành biểu quyết bằng phiếu kín về cơ cấu cần điều chỉnh (*phải đạt ít nhất trên 2/3 so với tổng số cấp ủy viên hoặc ủy viên ban thường vụ cấp ủy*); đồng thời, chịu trách nhiệm trước ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp về quyết định của mình.

2. Khi cần bổ sung cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Thành ủy còn thiếu so với quy định thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Thường trực Thành ủy xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ mà không phải xin chủ trương.

Những nhân sự đã được đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành giới thiệu vào danh sách bầu cử tham gia ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu bầu thì việc xem xét, bổ sung vào cấp ủy, ban thường vụ cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành ít nhất 12 tháng.

3. Đối với kiện toàn, bổ sung chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị báo cáo Thường trực Thành ủy (thông qua Ban Tổ chức Thành ủy), xin chủ trương và dự kiến nguồn nhân sự trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

4. Đối với cán bộ hiện giữ chức danh (chức vụ) cao hơn chức danh chỉ định, giới thiệu tham gia cấp ủy theo cơ cấu, thì không nhất thiết phải được quy hoạch vào các chức danh này và khi chỉ định, giới thiệu nhân sự không phải thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự theo quy định.

Điều 34. Về hiệp y khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý ở địa phương

1. Các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc thực hiện công tác hiệp y nhân sự với cấp ủy địa phương trước khi bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý của tổ chức đó tại địa phương.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức không tổ chức theo ngành dọc thì không thực hiện công tác hiệp y nhân sự đối với các chức danh (không quản lý trực tiếp) thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy địa phương theo quy định, trừ trường hợp khác có quy định riêng của Ban Thường vụ Thành ủy.

Chương V**BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ****Điều 35. Nguyên tắc, điều kiện bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử**

1. Cán bộ khi hết thời hạn bổ nhiệm, hết nhiệm kỳ được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ; đáp ứng tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật trong nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn giữ chức vụ; có thông tin về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đang, sẽ điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị xem xét, xử lý trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền thì việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thực hiện theo quy định tại Điều 27.

3. Chậm nhất 90 ngày làm việc trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền phải thông báo để cán bộ chuẩn bị thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định.

4. Cán bộ sau khi được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vì một trong các lý do: sức khỏe không bảo đảm; uy tín giảm sút; không hoàn thành nhiệm vụ; vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước,... thì cấp có thẩm quyền quyết định việc thay thế, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ, hết nhiệm kỳ công tác.

5. Quyết định bổ nhiệm lại hoặc quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải được ban hành trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm ít nhất 01 ngày làm việc. Khi hết thời hạn bổ nhiệm mà chưa có quyết định bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của cấp có thẩm quyền thì không được thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ lãnh đạo, quản lý hiện giữ. Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ lãnh đạo, quản lý đó do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định.

6. Trường hợp vì lý do khách quan mà thời điểm ký quyết định bổ nhiệm lại hoặc quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý sau ngày hết thời hạn bổ nhiệm thì thời hạn bổ nhiệm của quyết định mới được tính từ ngày hết thời hạn bổ nhiệm của quyết định cũ và phải được ghi rõ trong quyết định.

7. Chưa thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cử đi học tập, công tác ở nước ngoài từ 03 tháng trở lên; đang trong thời gian điều trị nội trú từ 03 tháng trở lên tại các cơ sở y tế hoặc đang trong thời gian nghỉ chế độ thai sản. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phải có văn bản thông báo để cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức biết.

8. Việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử được tiến hành theo quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 36. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thì cấp đó thực hiện việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

2. Ban Thường vụ Thành ủy ủy quyền:

a) Thường trực Thành ủy xem xét cho chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác ở các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành ủy; xem xét, bổ nhiệm lại đối với cán bộ giữ chức danh cấp phó thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác ở các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành ủy.

b) Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét cho chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác ở các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;

Xem xét, bổ nhiệm lại đối với cán bộ giữ chức danh cấp phó thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác ở các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố sau khi có ý kiến của Ban Tổ chức Thành ủy và các cơ quan liên quan.

c) Những trường hợp xét thấy không đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại thì không thực hiện quy trình, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Ban Tổ chức Thành ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, kịp thời phát hiện và đề xuất với cơ quan có thẩm quyền các trường hợp cần thay thế, miễn nhiệm và các trường hợp không bổ nhiệm lại.

3. Việc bổ nhiệm lại đối với những cán bộ tính đến tuổi nghỉ hưu không còn đủ thời gian công tác 05 năm, như sau:

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý còn đủ 2 năm công tác trở lên thì phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại theo quy định.

- Trường hợp còn dưới 2 năm công tác thì người đứng đầu và tập thể lãnh đạo thảo luận, xem xét, nếu cán bộ còn sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, biểu quyết (bằng phiếu kín), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại.

4. Cán bộ không được bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác theo nguyên tắc không được bố trí chức vụ tương đương, quan trọng hơn hoặc cao hơn.

Điều 37. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cán bộ làm báo cáo tự đánh giá, nhận xét việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.

2. Tập thể cán bộ chủ chốt địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến và bỏ phiếu tín nhiệm (bằng phiếu kín) đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (thành phần tham dự tương tự như hội nghị cán bộ chủ chốt trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử).

3. Người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ đánh giá, nhận xét và đề xuất việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

4. Tập thể lãnh đạo thảo luận, biểu quyết (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc giới thiệu: Cán bộ được trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người có mặt ở hội nghị tập thể cán bộ chủ chốt và trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người được triệu tập ở hội nghị tập thể lãnh đạo thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử; trường hợp số phiếu đạt tỉ lệ 50% (không quá bán) thì do người đứng đầu xem xét, quyết định; trường hợp dưới 50% đồng ý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu giới thiệu tại bước 4, tập thể lãnh đạo báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử theo quy định.

Chương VI

ĐIỀU ĐỘNG VÀ BIỆT PHÁI CÁN BỘ

Điều 38. Mục đích, yêu cầu điều động, biệt phái cán bộ

Việc điều động, biệt phái cán bộ phải căn cứ yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ; góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Điều 39. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định điều động, biệt phái cán bộ

1. Đối tượng: Cán bộ lãnh đạo, quản lý của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị Thành phố.

2. Phạm vi: Giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị Thành phố.

3. Thẩm quyền: Theo phân cấp quản lý cán bộ.

Khi cần thiết, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định điều động, biệt phái cán bộ từ nơi khác về đảm nhận các chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý tại các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị Thành phố.

Điều 40. Quy trình điều động, biệt phái cán bộ

1. Điều động cán bộ:

a) Căn cứ quy hoạch cán bộ, yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định điều động cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

b) Quy trình điều động:

Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chỉ đạo cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các bước sau:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ dự kiến điều động.

- Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến (bằng văn bản) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Biệt phái cán bộ:

a) Căn cứ yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét việc biệt phái cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

b) Thời gian biệt phái nhiều nhất là 3 năm; khi hết thời gian biệt phái thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cử cán bộ đi biệt phái đánh giá, nhận xét và xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với cán bộ.

c) Quy trình biệt phái:

- Bước 1: Thảo luận, thống nhất về dự kiến biệt phái cán bộ (nếu nhân sự do cơ quan tiếp nhận cán bộ đề nghị) hoặc trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ biệt phái (nếu nhân sự do cơ quan nơi cán bộ đang công tác giới thiệu).

- Bước 2: Gặp cán bộ để trao đổi về chủ trương biệt phái và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể.

- Bước 3: Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Đối với biệt phái sĩ quan trong lực lượng vũ trang thì thực hiện theo quy định của Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương.

Điều 41. Chế độ, chính sách đối với cán bộ điều động, biệt phái

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ được điều động, biệt phái sớm ổn định công tác và sinh hoạt.
2. Cán bộ được điều động, biệt phái đến những vùng khó khăn như miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo được ưu tiên giải quyết trước thời hạn một số chế độ, chính sách theo quy định.

Chương VII

CHO THÔI GIỮ CHỨC VỤ, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM ĐỐI VỚI CÁN BỘ

Điều 42. Nguyên tắc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Kịp thời xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm (trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 46).
2. Khuyến khích cán bộ tự nguyện thôi giữ chức vụ, từ chức khi không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không còn đủ uy tín hoặc vi phạm chưa đến mức phải miễn nhiệm.

Điều 43. Căn cứ xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với việc cho thôi giữ chức vụ:
 - a) Chịu trách nhiệm người đứng đầu (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc người đứng đầu có thời gian giữ chức vụ chưa đủ 1 năm) khi địa phương, cơ quan, đơn vị chỉ hoàn thành dưới 70% số chỉ tiêu, nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch trong năm hoặc không hoàn thành 5 chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt: (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế. (2) Thu ngân sách nhà nước. (3) Giải ngân vốn đầu tư công. (4) Thu nhập bình quân đầu người. (5) Giảm tỉ lệ hộ nghèo.
 - b) Chịu trách nhiệm (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng) nếu kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao về xây dựng Đảng, xây dựng thể chế, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh,... theo đánh giá của cấp có thẩm quyền trong năm hoặc định kỳ của cá nhân hoặc cơ quan, đơn vị, địa phương mà mình là người đứng đầu (hoặc cấp phó của người đứng đầu được phân công chỉ đạo trực tiếp) không đạt chỉ tiêu, kế hoạch theo quy định hoặc các quyết định, quy chế, quy định, đề án, chương trình, dự án quan trọng do cơ quan, đơn vị mình phụ trách chủ trì tham mưu, đề xuất ban hành mà cơ quan chức năng kết luận không hiệu quả hoặc có nguy cơ gây hậu quả xấu,...
 - c) Quan liêu, xa dân, không giải quyết kịp thời ý kiến, nguyện vọng, lợi ích, khiếu nại, tố cáo chính đáng, hợp pháp của Nhân dân, của doanh nghiệp thuộc thẩm

quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín cơ quan, đơn vị.

d) Chịu trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra điểm nóng phức tạp kéo dài liên quan đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng.

đ) Là người đứng đầu thiếu trách nhiệm, không kịp thời xử lý khi phát hiện cán bộ, đảng viên thuộc quyền quản lý trực tiếp vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với việc từ chức:

a) Cán bộ tự nguyện xin từ chức và được xem xét cho từ chức khi có một trong các căn cứ sau:

(1) Do bản thân nhận thấy hạn chế về năng lực lãnh đạo, quản lý hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

(2) Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

(3) Vì lý do chính đáng khác của cá nhân.

(4) Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

(5) Trong nhiệm kỳ giữ chức vụ có 2 năm không liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

(6) Có hành vi vi phạm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

(7) Để vợ, chồng, con vi phạm pháp luật của Nhà nước; sa vào tệ nạn xã hội và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị.

(8) Để người khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn của bản thân để trục lợi và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng, bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín cá nhân và tổ chức (trừ trường hợp bản thân không biết).

(9) Không dám làm, không dám chịu trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả rất nghiêm trọng, dư luận xấu, bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Đối với trường hợp nêu tại Tiết (2) nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét cho thôi giữ chức vụ; đối với các trường hợp tại Tiết (4), (5), (6), (7), (8), (9) nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm.

b) Những trường hợp không được từ chức:

- Đang đảm nhận nhiệm vụ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật, chưa hoàn thành nhiệm vụ mà cần tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ do bản thân cán bộ đã thực hiện, nếu cán bộ từ chức sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiệm vụ mà đơn vị được giao.

- Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Những trường hợp có đủ căn cứ miễn nhiệm nêu tại Điểm đ, e, g, h, i, Khoản 3 Điều này.

3. Đối với việc miễn nhiệm:

a) Bị kỷ luật cảnh cáo và bị cấp có thẩm quyền đánh giá năng lực hạn chế, uy tín giảm sút, không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ được giao.

b) Bị kỷ luật khiển trách liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao 2 lần trở lên trong một nhiệm kỳ hoặc thời hạn bổ nhiệm.

c) Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

d) Có 2 năm liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ (liên quan đến thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao).

đ) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

e) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

g) Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gây hậu quả rất nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

h) Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp xảy ra mâu thuẫn, mất đoàn kết nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

i) Vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mức phải miễn nhiệm theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với các trường hợp nêu tại Điểm a, b, c, d, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 44. Thẩm quyền, trách nhiệm cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định thì có thẩm quyền xem xét, quyết định cho cán bộ thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

2. Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên thì cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo báo cáo cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ đề xuất cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

3. Cấp ủy, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ theo Quy định này.

Điều 45. Quy trình xem xét và hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm:

a) Khi có đủ căn cứ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc thì cấp ủy, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ hoặc cơ quan tham mưu về công tác cán bộ có trách nhiệm trao đổi với cán bộ và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

c) Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, quy chế hoạt động của từng tổ chức.

2. Hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm:

a) Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ; đơn xin từ chức của cán bộ đối với trường hợp từ chức.

b) Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, biên bản hội nghị, đơn của cán bộ xin từ chức, báo cáo đề nghị của cơ quan sử dụng cán bộ và các tài liệu có liên quan.

Điều 46. Bố trí công tác đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ:

Cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ thì cấp có thẩm quyền căn cứ tình hình thực tế xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định) và không quan trọng hơn; sau ít nhất từ 12 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu cán bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét việc quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi cho thôi giữ chức vụ theo quy định.

2. Đối với cán bộ sau khi từ chức:

- Trường hợp cán bộ còn thời gian công tác dưới 5 năm thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý).

- Trường hợp cán bộ còn thời gian công tác từ 5 năm trở lên thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu khắc phục tốt các vi phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém (nếu có), được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi từ chức theo quy định.

3. Đối với cán bộ sau khi miễn nhiệm:

- Cán bộ sau khi miễn nhiệm thì cấp có thẩm quyền xem xét bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý); sau ít nhất từ 36 tháng công tác ở vị trí mới, nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

- Đối với các trường hợp nêu tại Điểm a, b, c, d, Khoản 3, Điều 43, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi miễn nhiệm theo quy định.

4. Nếu cán bộ sau khi thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm mà có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ hưu thì được giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Chương VIII
THẨM QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG VIỆC
TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP DƯỚI

Điều 47. Phạm vi, đối tượng trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Áp dụng đối với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị Thành phố (sau đây gọi tắt là người đứng đầu) tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý do Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

Việc tạm đình chỉ đối với các chức danh cấp ủy viên, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, các chức danh tư pháp, ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và ủy viên ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của tổ chức.

3. Việc tạm đình chỉ công tác nhằm ngăn chặn kịp thời tác động tiêu cực, cản trở việc xem xét, xử lý vi phạm đối với cán bộ. Nghiêm cấm lợi dụng việc tạm đình chỉ công tác vì mục đích cá nhân.

4. Người đứng đầu khi đã có thông báo nghỉ hưu, nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc đang bị xem xét kỷ luật, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo phải báo cáo và được sự đồng ý của thường trực cấp ủy cấp trên trực tiếp (hoặc cấp ủy cấp trên trực tiếp đối với những nơi không có thường trực cấp ủy) trước khi thực hiện thẩm quyền tạm đình chỉ công tác.

5. Người đứng đầu xem xét kịp thời ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo quy định mà không cần phải tiến hành thảo luận và biểu quyết trong tập thể lãnh đạo.

Điều 48. Căn cứ xem xét tạm đình chỉ công tác

1. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết:

a) Cán bộ có hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

b) Cán bộ cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ.

d) Cán bộ đang bị xem xét, xử lý kỷ luật mà cố ý trì hoãn, trốn tránh không thực hiện yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong quá trình xem xét, xử lý vi phạm của bản thân hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, ảnh hưởng của mình, của người khác để tác động, gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý.

đ) Cán bộ bị kỷ luật đảng bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức và đang trong thời gian chờ xem xét, xử lý chức vụ chính quyền mà nếu tiếp tục công tác sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng:

a) Cán bộ bị khởi tố bị can để phục vụ công tác điều tra.

b) Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm của cán bộ, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có văn bản đề nghị tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

Điều 49. Thẩm quyền, trách nhiệm trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Thẩm quyền của người đứng đầu và quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác:

a) Thẩm quyền của người đứng đầu:

- Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới theo danh mục (*nêu tại Phụ lục 5*) khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 48. Trường hợp chưa có trong danh mục thì do người đứng đầu cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và quản lý xem xét, quyết định tạm đình chỉ công tác.

Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý; các cơ quan, đơn vị thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định.

- Đề nghị cơ quan chức năng cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác hoặc yêu cầu cơ quan chức năng kiểm tra, xác minh làm rõ, xử lý vi phạm theo quy định.

- Yêu cầu cán bộ bị tạm đình chỉ công tác chấp hành các yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc người có thẩm quyền để phục vụ công tác xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

b) Quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác:

- Có quyền đề nghị người đứng đầu xem xét lại quyết định tạm đình chỉ công tác nếu có căn cứ xác định việc tạm đình chỉ công tác không đúng quy định.

- Được khôi phục lại quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi được cơ quan chức năng kết luận không vi phạm, không bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự.

- Chế độ, chính sách đối với cán bộ bị tạm đình chỉ công tác được thực hiện như thời điểm chưa bị tạm đình chỉ công tác.

2. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc tạm đình chỉ công tác:

a) Trách nhiệm của người đứng đầu:

- Kịp thời ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 48; hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác trong trường hợp không đúng quy định hoặc khi có kết luận không vi phạm, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ.

- Chịu trách nhiệm về việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác, hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác. Công bố quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác trong cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác và gửi quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, nếu có nhiều tình tiết phức tạp cần có thời gian tiếp tục xác minh, làm rõ vi phạm của cán bộ thì báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ trước khi gia hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

b) Trách nhiệm của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác:

- Chấp hành nghiêm quyết định tạm đình chỉ công tác.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan và chấp hành yêu cầu của người đứng đầu, cấp có thẩm quyền trong quá trình xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

c) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan:

Tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về công tác tham mưu, đề xuất, đề nghị và ra quyết định tạm đình chỉ công tác và thực hiện việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 50. Thời hạn, thủ tục, hồ sơ tạm đình chỉ công tác

1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác:

a) Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết không quá 30 ngày làm việc, trường hợp phải gia hạn thì thời gian gia hạn tạm đình chỉ công tác tối đa không quá 30 ngày làm việc.

b) Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực hiện theo văn bản đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thi hành án.

c) Quyết định tạm đình chỉ công tác đương nhiên hết hiệu lực thi hành khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác.

2. Thủ tục tạm đình chỉ công tác:

a) Khi xác định có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 48 thì chậm nhất sau 2 ngày làm việc, cơ quan tổ chức cán bộ có trách nhiệm tham mưu người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

b) Chậm nhất sau 1 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan tổ chức cán bộ, người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

c) Trong 3 ngày làm việc, kể từ ngày có đủ cơ sở để hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác thì người đứng đầu ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

d) Quyết định tạm đình chỉ công tác và quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác được gửi đến cán bộ bị tạm đình chỉ công tác, công bố trong cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ và gửi đến cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Quản lý hồ sơ:

Quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác và tài liệu liên quan phải lưu vào hồ sơ cán bộ, được quản lý, sử dụng theo quy định.

Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51. Tổ chức thực hiện

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy, cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định này để quy định cụ thể việc phân cấp, thẩm quyền, trách nhiệm, nội dung quản lý cán bộ; quy trình, thủ tục quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, điều động, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ trong diện được phân cấp quản lý (*cả đương chức và nghỉ hưu*) và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của cấp dưới.

2. Đối với việc giới thiệu nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo quy định riêng của Bộ Chính trị.

3. Ban Tổ chức Thành ủy phối hợp các cơ quan có liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

Điều 52. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 1761-QĐ/TU ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Quy định số 1300-QĐ/TU ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về miễn nhiệm, từ chức của

cán bộ; điều chuyển, thay thế, bố trí công tác đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý sau khi bị kỷ luật hoặc uy tín giảm sút; năng lực hạn chế, kết quả công tác không đáp ứng yêu cầu và các quy định liên quan trước đây của Ban Thường vụ Thành ủy không phù hợp quy định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Các đồng chí Thành ủy viên;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Đảng ủy các xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên cơ sở trực tiếp trực thuộc Thành ủy;
- Lưu Văn phòng Thành ủy (Lãnh đạo, P.TH/Nam).

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Lê Quốc Phong

PHỤ LỤC 1

Các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý
(ban hành kèm Quy định số 1211 - QĐ/TU ngày 07 tháng 7 năm 2026
của Ban Thường vụ Thành ủy)

1. Các chức danh cán bộ do Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, trực tiếp quyết định

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy.
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố.
- Thư ký đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng công tác tại Đảng bộ Thành phố.
- Cấp trưởng, cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy; cấp trưởng, cấp phó đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành ủy; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.
- Trưởng Ban, Phó trưởng Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố.
- Cấp trưởng, cấp phó các cơ quan chuyên môn, hành chính; cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (không bao gồm các trường cao đẳng, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách).
- Cấp trưởng, cấp phó Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên các tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con trực thuộc Thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản trị Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố.
- Bí thư, phó bí thư đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy.
- Bí thư, phó bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.
- Thành viên Ban Nghiên cứu phát triển Thành phố giữ chức vụ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý trước khi được điều động.

2. Các chức danh do Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, ủy quyền cho Thường trực Thành ủy quyết định

- Tổng giám đốc các tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con trực thuộc Thành phố.

- Cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (không bao gồm các trường cao đẳng, các cơ quan báo chí).

- Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Thành phố: Hội Nhà báo Thành phố, Hội Nhà văn Thành phố, Hội Chữ thập đỏ Thành phố, Đoàn Luật sư Thành phố, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Thành phố, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố, Liên minh Hợp tác xã Thành phố, Hội Luật gia Thành phố, Hội Người cao tuổi Thành phố, Hội Khuyến học Thành phố, Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo Thành phố.

- Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy (không bao gồm cấp xã).

3. Các chức danh cán bộ cần có sự tham gia ý kiến của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy và các cơ quan liên quan (giao Ban Tổ chức Thành ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử):

- Phó tổng giám đốc các tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con trực thuộc Thành phố; Phó Tổng Giám đốc Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố.

- Ủy viên chuyên trách Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Phó chủ tịch ủy ban nhân dân, phó chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã.

- Phó Chủ tịch các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Thành phố là công chức (chuyên trách) và chủ tịch các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Thành phố còn lại.

Đối với các chức danh cán bộ nêu trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định quy hoạch, bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử, nghiên cứu ý kiến về nhân sự của Ban Tổ chức Thành ủy và các cơ quan liên quan để xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

PHỤ LỤC 2**đối tượng quy hoạch**

(Kèm theo Quy định số ~~12/11~~ -QĐ/TU ngày ~~07~~ tháng ~~7~~ năm 2026
của Ban Thường vụ Thành ủy)

I. ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH CHỨC DANH PHÓ BÍ THƯ THÀNH ỦY, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN, TRƯỞNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI THÀNH PHỐ

1. Đối tượng 1: Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố và các chức danh tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố và các chức danh tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II. QUY HOẠCH BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY; PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN, PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI THÀNH PHỐ

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cấp trưởng, cấp phó (được quy hoạch chức danh cấp trưởng) các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị Thành phố và các chức danh tương đương; phó bí thư chuyên trách Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố; bí thư, phó bí thư đảng ủy (được quy hoạch chức danh bí thư) cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy; bí thư đảng ủy cấp xã.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

III. ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ

1. Đối tượng 1: Cấp trưởng, cấp phó (được quy hoạch chức danh cấp trưởng) các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị Thành phố và các chức danh tương đương; phó bí thư chuyên trách Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố; bí thư, phó bí thư đảng ủy (được quy hoạch chức danh bí thư) cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy; bí thư đảng ủy cấp xã. Đối với cấp phó các cơ quan, đơn vị được xác định có cơ cấu trong Thành ủy thì không cần điều kiện phải được quy hoạch vào chức danh cấp trưởng tương ứng.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; phó bí thư đảng ủy cấp xã và tương đương; trưởng phòng của sở, ban, ngành Thành phố và các chức danh tương đương; cấp phó các ban, cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

IV. CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ DIỆN BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY QUẢN LÝ

1. Chức danh cấp trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố

1.1. Đối tượng 1: các đồng chí cấp phó các sở ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố và các chức danh tương đương; bí thư đảng ủy cấp xã; phó bí thư chuyên trách các đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy, tổng giám đốc các tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con trực thuộc Thành phố; Tổng Giám đốc Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

1.2. Đối tượng 2: Các đồng chí cấp trưởng phòng và tương đương của sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố và các chức danh tương đương; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (đối với chức danh Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy); ủy viên ban

thường vụ đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy; phó bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; phó tổng giám đốc các tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con trực thuộc Thành phố; Phó Tổng Giám đốc Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2. Chức danh cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị thuộc thành phố

2.1. Đối tượng 1: Các đồng chí cấp trưởng phòng của sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố và các chức danh tương đương; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (đối với chức danh Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy); ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy; phó bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; phó tổng giám đốc các tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con trực thuộc Thành phố; Phó Tổng Giám đốc Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với các nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2.2. Đối tượng 2: Các đồng chí cấp phó trưởng phòng của sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố và các chức danh tương đương; ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

3. Chức danh Bí thư đảng ủy cấp xã; đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy

3.1. Đối tượng 1: Phó bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; phó bí thư đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy và các chức danh tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

3.2. Đối tượng 2: ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch ủy ban nhân dân, phó chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã; ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy và các chức danh tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

4. Chức danh Phó Bí thư đảng ủy cấp xã, đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã

4.1. Đối tượng 1: ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch ủy ban nhân dân, phó chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã; ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy và các chức danh tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

4.2. Đối tượng 2: ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp xã, đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

5. Chức danh chủ tịch hội đồng thành viên (chủ tịch hội đồng quản trị) các tổng công ty, công ty, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố

5.1. Đối tượng 1: tổng giám đốc (giám đốc) các tổng công ty, công ty, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố và các chức danh tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

5.2. Đối tượng 2: thành viên Hội đồng thành viên, phó tổng giám đốc (phó giám đốc) các tổng công ty, công ty, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố và các chức danh tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

6. Chức danh tổng giám đốc (giám đốc) các tổng công ty, công ty

6.1. Đối tượng 1: thành viên Hội đồng thành viên, phó tổng giám đốc (phó giám đốc) các tổng công ty, công ty, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố và các chức danh tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà

soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

6.2. Đối tượng 2: trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc các tổng công ty, công ty, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố và các chức danh tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

7. Chức danh Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy: giao Ủy ban Kiểm tra Thành ủy xác định đối tượng 1 và đối tượng 2 theo đúng nguyên tắc phân cấp quản lý cán bộ.

V. QUY HOẠCH CHỨC DANH ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY CẤP XÃ VÀ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ TRỰC THUỘC THÀNH ỦY; PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ; PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CÁC TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY

1. Chức danh ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp xã và cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy

1.1. Đối tượng 1: các đồng chí cấp trưởng phòng, ban, đoàn thể, cơ quan, đơn vị của cấp xã và cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy; cấp phó các cơ quan, đơn vị mà cấp trưởng có cơ cấu ban thường vụ đảng ủy và các chức danh tương đương; bí thư các cấp ủy trực thuộc đảng bộ cấp xã, cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2.2. Đối tượng 2: các đồng chí cấp phó phòng, ban, đoàn thể, cơ quan, đơn vị của cấp xã và cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy; phó bí thư các cấp ủy trực thuộc đảng bộ cấp xã, cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy và các chức danh tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2. Chức danh ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy

2.1. Đối tượng 1: ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp xã, đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà

soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2.2. Đối tượng 2: cấp trưởng, cấp phó (được quy hoạch cấp trưởng) các phòng, ban và tương đương thuộc đảng ủy, ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và các chức danh tương đương; bí thư, phó bí thư (được quy hoạch bí thư) cấp ủy trực thuộc.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

3. Chức danh phó tổng giám đốc (phó giám đốc) các tổng công ty, công ty, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố

3.1. Đối tượng 1: trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc các tổng công ty, công ty, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố và các chức danh tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

3.2. Đối tượng 2: phó phòng, ban, đơn vị trực thuộc các tổng công ty, công ty, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố và các chức danh tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 3

**quy trình quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý
thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý**
(Kèm theo Quy định số 12/11 - QĐ/TU ngày 07 tháng 7 năm 2026
của Ban Thường vụ Thành ủy)

I. QUY TRÌNH QUY HOẠCH ĐẦU NHIỆM KỲ VÀ RÀ SOÁT, BỔ SUNG QUY HOẠCH TỪ NGUỒN NHÂN SỰ TẠI CHỖ

1. Xây dựng kế hoạch quy hoạch đầu nhiệm kỳ

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Thành ủy, Ban thường vụ đảng ủy cấp xã; tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chỉ đạo cơ quan tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau:

- (i) Xây dựng kế hoạch quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị.
- (ii) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

2. Quy trình quy hoạch

Bước 1: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo:

- (i) Thảo luận, thông qua kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị và danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.
- (ii) Tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng đội ngũ cán bộ đang quy hoạch; xác định số lượng cần bổ sung quy hoạch.
- (iii) Bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định (trừ các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch).
- (iiii) Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

- Thành phần:

+ Các Đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy, Đảng ủy cấp xã: là bí thư và tập thể ban thường vụ đảng ủy.

+ Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố: là cấp trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị.

+ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và các ban Hội đồng nhân dân thành phố: Là tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố:

* Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố: là Ban Thường vụ Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và tập thể Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội (đối với cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố).

* Các tổ chức chính trị - xã hội: là Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, cấp ủy và cấp trưởng, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội.

+ Tổng Công ty, Công ty, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố: Là tập thể Hội đồng thành viên (hoặc Hội đồng quản trị) và cấp ủy cùng cấp.

+ Các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở Thành phố: là cấp ủy (nếu có) và tập thể thường trực của tổ chức hội.

- Nguyên tắc:

+ Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý đưa ra khỏi quy hoạch thì báo cáo, đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

+ Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người được triệu tập để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 2: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả định hướng giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị tiến hành thảo luận và phát hiện, ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (*bằng phiếu kín*).

- Thành phần:

+ Các Đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy và các đảng ủy cấp xã: là ban chấp hành đảng bộ, cấp trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, các tổ chức chính trị - xã hội, bí thư các đảng ủy, chỉ bộ trực thuộc.

+ Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố: là các đồng chí trong tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị; ban chấp hành đảng bộ cơ quan; cấp trưởng, cấp phó các tổ chức, đơn vị trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (*trường hợp quy hoạch các chức danh Ủy viên, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy*)

+ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và các ban Hội đồng nhân dân Thành phố: Là tập thể Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; cấp trưởng, cấp phó các ban Hội đồng nhân dân Thành phố; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố; trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cơ quan.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố:

* Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố: Là tập thể Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố là người đứng đầu các tổ chức thành viên, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, chủ tịch ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; trưởng, phó các ban (phòng), trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc.

* Các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố: Là tập thể Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; ủy viên ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội; trưởng, phó ban tham mưu trực tiếp; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc (nếu có).

+ Tổng Công ty, Công ty, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố: Là tập thể Hội đồng thành viên (hoặc Hội đồng quản trị), Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cấp ủy cùng cấp; trưởng, phó phòng (ban) và tương đương ở doanh nghiệp công ty mẹ; Chủ tịch Hội đồng thành viên (Chủ tịch Hội đồng quản trị), Tổng Giám đốc/Giám đốc các doanh nghiệp do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ; người đại diện phụ trách chung (nếu có) hoặc người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do công ty mẹ nắm giữ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; bí thư cấp ủy trực thuộc.

+ Các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở Thành phố: Là tập thể Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; cấp ủy (nếu có); cấp trưởng, cấp phó, ủy viên ban chấp hành các hội quần chúng; trưởng, phó các ban (phòng), trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cơ quan; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc (nếu có).

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 3: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành thảo luận và ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (*bằng phiếu kín*).

- Thành phần:

+ Các Đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy, Đảng ủy cấp xã: là Ban Chấp hành Đảng bộ.

+ Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố: là cấp trưởng, cấp phó, tập thể đảng ủy cơ quan, đơn vị; cấp trưởng các phòng, ban và tương đương, cấp trưởng các đơn vị trực thuộc; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (*đối với trường hợp quy hoạch các chức danh Ủy viên, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy*).

+ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và các ban Hội đồng nhân dân Thành phố: là tập thể lãnh đạo mở rộng gồm Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; trưởng các ban Hội đồng nhân dân Thành phố, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố:

* Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố: Là tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; trưởng các ban chuyên môn cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố.

* Các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố: Là tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; tập thể ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, trưởng ban tham mưu trực tiếp.

+ Tổng Công ty, Công ty, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố: là tập thể Hội đồng thành viên (hoặc Hội đồng quản trị), Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cấp ủy cùng cấp; trưởng phòng (ban) và tương đương ở doanh nghiệp công ty mẹ, Chủ tịch Hội đồng thành viên (Chủ tịch Hội đồng quản trị) các doanh nghiệp do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ; người đại diện phụ trách chung (nếu có) hoặc người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Thành phố: Là tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; cấp ủy (nếu có) và tập thể ban thường vụ (tương đương) của tổ chức.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (*lần 2*).

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và kết quả giới thiệu nhân sự ở các bước, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.
- Kết quả kiểm phiếu ở bước 1, 4 được công bố tại hội nghị; đối với các bước 2, 3 không công bố tại các hội nghị.

II. QUY TRÌNH RÀ SOÁT, BỔ SUNG QUY HOẠCH ĐỐI VỚI NGUỒN NHÂN SỰ TỪ NƠI KHÁC

Bước 1: Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, tập thể lãnh đạo chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau:

(i) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (*trong quy hoạch và ngoài quy hoạch*); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà địa phương, cơ quan, đơn vị hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác.

(ii) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (*lần 1*)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo:

(i) Thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác.

(ii) Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập.

Bước 3: Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.
 - Thành phần hội nghị ở các bước tương tự như thành phần trong quy trình quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ.
 - Kết quả kiểm phiếu ở bước 2, 4 được công bố tại hội nghị.
-

PHỤ LỤC 4

Các quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý từ nguồn nhân sự tại chỗ

(Kèm theo Quy định số 42/11 - QĐ/TU ngày 07 tháng 7 năm 2026
của Ban Thường vụ Thành ủy)

1. Quy trình rà soát, đánh giá để cho chủ trương bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn đối với các trường hợp đặc biệt (do cấp ủy, tập thể lãnh đạo trực tiếp quản lý cán bộ thực hiện):

Bước 1: Rà soát, đánh giá toàn diện, dân chủ, khách quan về chất lượng nguồn nhân sự trong quy hoạch và chức danh tương đương, gắn kết chặt chẽ với tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Bước 2: Nếu không có nguồn nhân sự đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, thì cấp ủy, tổ chức đảng tiến hành đánh giá khách quan, toàn diện, kỹ lưỡng về phẩm chất, năng lực, uy tín, sản phẩm, kết quả cụ thể của nhân sự thuộc trường hợp "đặc biệt về độ tuổi" trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và nhu cầu bố trí, sử dụng cán bộ.

Bước 3: Trên cơ sở kết quả đánh giá, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, cơ quan đơn vị xem xét, quyết định đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý và chịu trách nhiệm về quyết định của mình hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét, quyết định.

2. Quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đối với nguồn nhân sự tại chỗ:

a) Xin chủ trương về công tác cán bộ

(1) Đối với kiện toàn bổ sung một số chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Thành phố:

Khi cần bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố trong khung số lượng do Trung ương quy định và Đại hội Đảng bộ Thành phố quyết định; căn cứ yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy trên các mặt công tác, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, cho chủ trương và chỉ đạo Ban Tổ chức Thành ủy tham mưu, đề xuất để kiện toàn bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố.

(2) Đối với các chức danh cán bộ công tác ở địa phương, cơ quan, đơn vị:

Khi cần kiện toàn các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác ở địa phương, cơ quan, đơn vị, tập thể lãnh đạo địa phương, cơ

quan, đơn vị trình Thường trực Thành ủy xem xét, cho chủ trương (*qua Ban Tổ chức Thành ủy để tổng hợp, thẩm định*) về số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung, trong đó dự kiến phân công lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể.

Sau khi được Thường trực Thành ủy đồng ý về chủ trương, Ban Tổ chức Thành ủy thông báo chủ trương về công tác cán bộ đề cấp ủy, cơ quan, đơn vị tiến hành quy trình giới thiệu nhân sự.

b) Đề xuất nhân sự cụ thể

(1) Đối với kiện toàn bổ sung một số chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Thành phố, thời gian thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự theo lịch làm việc của Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy.

(2) Đối với các chức danh cán bộ công tác ở địa phương, cơ quan, đơn vị, sau khi có chủ trương của Thường trực Thành ủy, chậm nhất trong thời gian 30 ngày làm việc, tập thể lãnh đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự theo 04 bước dưới đây. Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo Thường trực Thành ủy xem xét.

Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo.

Trên cơ sở chủ trương của cấp có thẩm quyền, yêu cầu nhiệm vụ và nguồn cán bộ (*gồm cán bộ trong quy hoạch và quy hoạch chức danh tương đương trở lên*), người đứng đầu chủ trì cùng tập thể lãnh đạo thảo luận, rà soát, thống nhất về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình nhân sự; đồng thời, tiến hành rà soát kết quả đánh giá, nhận xét đối với từng cán bộ trong quy hoạch, thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự.

- Thành phần:

+ Các Đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy, Đảng ủy cấp xã: là bí thư và tập thể ban thường vụ đảng ủy.

+ Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố: là cấp trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị.

+ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và các ban Hội đồng nhân dân Thành phố: Là tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố:

* Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố: là Ban Thường vụ Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và tập thể Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội (đối với cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố).

* Các tổ chức chính trị - xã hội: là Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, cấp ủy và cấp trưởng, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội.

+ Tổng Công ty, Công ty, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố: Là tập thể Hội đồng thành viên (hoặc Hội đồng quản trị) và cấp ủy cùng cấp.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn:

Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu định hướng nhân sự ở bước 1, hội nghị thảo luận và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Thành phần:

+ Các Đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy, Đảng ủy cấp xã: là Ban Chấp hành Đảng bộ.

+ Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố: là cấp trưởng, cấp phó, tập thể đảng ủy cơ quan, đơn vị; cấp trưởng các phòng, ban và tương đương, cấp trưởng các đơn vị trực thuộc; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (*đối với trường hợp kiện toàn các chức danh Ủy viên, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy*).

+ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và các ban Hội đồng nhân dân Thành phố: là Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; trưởng các ban Hội đồng nhân dân Thành phố, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố:

* Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố: Là tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; trưởng các ban chuyên môn cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố.

* Các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố: Là tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; tập thể ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, trưởng ban tham mưu trực tiếp.

+ Tổng Công ty, Công ty, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố: là tập thể Hội đồng thành viên (hoặc Hội đồng quản trị), Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cấp ủy cùng cấp; trưởng phòng (ban) và tương đương ở doanh nghiệp công ty mẹ, Chủ tịch Hội đồng thành viên (Chủ tịch Hội đồng quản trị) các doanh nghiệp do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ; người đại diện phụ trách chung (nếu có) hoặc người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn:

Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 1; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người nào đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự (*kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị*).

- Thành phần:

+ Các Đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy và các đảng ủy cấp xã: là ban chấp hành đảng bộ, cấp trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, các tổ chức chính trị - xã hội, bí thư các đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

+ Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố: là các đồng chí trong tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị; ban chấp hành đảng bộ; cấp trưởng, cấp phó các tổ chức, đơn vị trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc; bí thư các chi bộ trực thuộc; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (*đối với nhân sự Ủy viên, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy*)

+ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và các ban Hội đồng nhân dân Thành phố: Là tập thể Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; cấp trưởng, cấp phó các ban Hội đồng nhân dân Thành phố; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố; bí thư các chi bộ trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cơ quan.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố:

* Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố: Là tập thể Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố là người đứng đầu các tổ chức thành viên, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, chủ tịch ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; trưởng, phó các ban (phòng), trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc.

* Các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố: Là tập thể Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; ủy viên ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội; trưởng, phó ban tham mưu trực tiếp; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc (nếu có).

+ Tổng Công ty, Công ty, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố: Là tập thể Hội đồng thành viên (hoặc Hội đồng quản trị), Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cấp ủy cùng cấp; trưởng, phó phòng (ban) và tương đương ở doanh nghiệp công ty mẹ; Chủ tịch Hội đồng thành viên (Chủ tịch Hội đồng quản trị), Tổng Giám đốc/Giám đốc các doanh nghiệp do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ; người đại diện phụ trách chung (nếu có) hoặc người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do công ty mẹ nắm giữ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; bí thư cấp ủy trực thuộc.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập có mặt thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt số phiếu trên 50% thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Bước 4: Hội nghị tập thể lãnh đạo.

Trên cơ sở kết quả lấy phiếu ở các bước; ý kiến đánh giá, nhận xét của ban thường vụ đảng ủy (*đối với những nơi đảng ủy không lãnh đạo toàn diện*); kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (*nếu có*) đối với nhân sự; tập thể lãnh đạo thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*) để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Thành phần:

+ Các Đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc Thành ủy, Đảng ủy cấp xã: là ban chấp hành đảng bộ.

+ Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố là người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị tương tự ở bước 1.

- Nguyên tắc lựa chọn:

Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu so với tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn giới thiệu, bổ nhiệm. Trường hợp 2 người có số phiếu ngang nhau đạt tỉ lệ 50% thì người đứng đầu xem xét, lựa chọn nhân sự đề trình, đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

*** Lưu ý:**

(i) Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người đứng đầu chịu trách nhiệm về đánh giá, nhận xét, đề xuất, lựa chọn, giới thiệu nhân sự.

(ii) Hội nghị ở các bước chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt và phiếu giới thiệu ở các bước có thể ký tên hoặc không ký tên; kết quả kiểm phiếu công bố tại hội nghị (*trừ bước 3*).

(iii) Trường hợp kiện toàn nhân sự từ 2 người trở lên thì cũng thực hiện theo nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn nhân sự như ở các bước nêu trên.

(iv) Đối với những nơi có cơ cấu tổ chức đặc thù, số lượng cán bộ ít, không có tổ chức trực thuộc hoặc nơi không có ban thường vụ thì giao cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ quy trình nêu trên, có trách nhiệm cụ thể hóa các bước, thành phần dự hội nghị; bảo đảm theo quy định và phù hợp với đặc điểm của cơ quan, đơn vị.

3. Quy trình điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác:

a) Trường hợp nhân sự do cấp có thẩm quyền dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ở nơi khác thì cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các công việc sau:

- *Bước 1:* Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

- *Bước 2:* (1) Trao đổi, lấy ý kiến (*bằng văn bản*) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- *Bước 3:* Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Trường hợp nhân sự do cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác thì thực hiện quy trình tương tự như quy trình điều động cán bộ nêu tại Khoản 1, Điều 40 của Quy định này.

PHỤ LỤC 5

các chức danh có thẩm quyền tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới

(Kèm theo Quy định số 12/11 - QĐ/TU ngày 07 tháng 7 năm 2026
của Ban Thường vụ Thành ủy)

I. ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN CỦA ĐẢNG

1. Bí thư Thành ủy quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Bí thư Thành ủy, trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Thành ủy; chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành ủy; bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu, bí thư đảng ủy trực thuộc Thành ủy.

2. Trưởng các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc Thành ủy quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: cấp phó của mình; trưởng, phó đơn vị trực thuộc, người làm việc trong đơn vị của mình.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành ủy quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: cấp phó của mình; trưởng, phó đơn vị trực thuộc, người làm việc trong đơn vị của mình.

4. Bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu, bí thư đảng ủy trực thuộc Thành ủy quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó bí thư; trưởng, phó, người làm việc trong các ban tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của đảng ủy; chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

II. ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Hội đồng nhân dân các cấp

1.1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố; trưởng ban, phó trưởng ban, chánh văn phòng, phó chánh văn phòng, người làm việc trong Hội đồng nhân dân Thành phố; chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã.

1.2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó chủ tịch hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu; trưởng ban, phó trưởng ban và người làm việc trong hội đồng nhân dân cấp xã.

2. Cơ quan hành chính

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

2.2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó, người làm việc trong đơn vị của mình.

2.3. Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc và người làm việc trong ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

III. ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN KHÁC

1. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Chủ tịch chuyên trách; trưởng, phó các ban, đơn vị trực thuộc; cấp trưởng các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Thành phố.

Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Thủ trưởng cơ quan quyết định tạm đình chỉ công tác đối với người làm việc của Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố.

Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố là trưởng tổ chức chính trị - xã hội Thành phố quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Trưởng, phó Ban Công tác mặt trận khu dân cư, người làm việc trong Ủy ban; người làm việc trong các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở xã, phường, đặc khu.

Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu là trưởng tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, đặc khu quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó của mình; trưởng, phó các chi đoàn, chi hội trực thuộc.

3. Cấp trưởng các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Thành phố quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó, người làm việc trong đơn vị của mình.

PHỤ LỤC 6

**danh mục hồ sơ nhân sự quy hoạch; bổ nhiệm,
giới thiệu ứng cử; bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử**
(Kèm theo Quy định số 1211-QĐ/TU ngày 07 tháng 7 năm 2026
của Ban Thường vụ Thành ủy)

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình và Biên bản kiểm phiếu ở các bước (bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước đối với quy hoạch cán bộ).
2. Sơ yếu lý lịch 2C theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4x6 và đóng dấu.
3. Đánh giá, nhận xét 3 năm gần nhất của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). (3) Uy tín và triển vọng phát triển.
4. Đánh giá, nhận xét của chi bộ cơ sở hoặc đảng ủy cơ sở nơi công tác.
5. Nhận xét của cấp ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ.
6. Bản tự nhận xét, đánh giá 3 năm gần nhất của cá nhân.
7. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.
8. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).
9. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (có xác nhận của cơ quan quản lý cán bộ hoặc cơ quan có thẩm quyền).
10. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

*** Lưu ý:**

- (i) Các tài liệu nêu tại Mục 2, 3, 4, 5, 6, 8, 10 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét.
- (ii) Đối với bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (gồm cả kéo dài thời gian giữ chức vụ đến khi nghỉ hưu) thì thành phần hồ sơ không nhất thiết bao gồm tài liệu nêu tại Mục 7, 9, trừ trường hợp có nội dung mới phát sinh.